

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: /UBND-TH  
V/v đề nghị hỗ trợ kinh phí thực  
hiện phòng, chống dịch và hỗ  
trợ người dân bị ảnh hưởng bởi  
đại dịch Covid-19 trên địa  
bàn tỉnh năm 2021

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bình Định, ngày tháng năm 2021*

Kính gửi: Bộ Tài chính

Căn cứ Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính phủ về một số đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19 và Quyết định 437/QĐ-TTg ngày 30/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ Ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương trong phòng, chống dịch Covid-19. Theo đó, tỉnh Bình Định được Ngân sách Trung ương hỗ trợ 50% phần hỗ trợ từ NSNN.

Căn cứ Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/2/2021 của Chính phủ về chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19 và số 17/NQ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ về chi hỗ trợ tiền ăn và bồi dưỡng chống dịch Covid-19 trong 05 ngày Tết Nguyên đán năm Tân Sửu 2021 và Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 29/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ về nguyên tắc hỗ trợ có mục tiêu từ Ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương trong phòng, chống dịch Covid-19 thì: tỉnh Bình Định là địa phương chưa tự cân đối được ngân sách nên được Ngân sách Trung ương hỗ trợ 50% phần hỗ trợ từ NSNN.

Căn cứ Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/07/2021 của Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; theo đó, tỉnh Bình Định là địa phương chưa tự cân đối được ngân sách nên được Ngân sách Trung ương hỗ trợ 60% phần hỗ trợ từ NSNN.

Trước tình hình diễn biến ngày càng phức tạp của đại dịch Covid-19 trên địa bàn toàn tỉnh, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã và đang triển khai quyết liệt, đồng bộ các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo quy định, với phương châm “chống dịch như chống giặc”; tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực hiện phòng, chống dịch bệnh covid-19 trên địa bàn; kịp thời lập các chốt kiểm tra y tế và các khu cách ly tập trung; tăng cường năng lực xét nghiệm, điều tra dịch tễ, truy vết các trường hợp liên quan đến ca bệnh; khoanh vùng, phun khử khuẩn, xét nghiệm tầm soát SARS-COV-2 cho các đối tượng liên quan tại những khu vực có nguy cơ nghi nhiễm Covid-19,

...; mặt khác, địa phương cũng đã tập trung phê duyệt danh sách và tổ chức chi trả kịp thời khoản hỗ trợ cho người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo quy định.

Do đó, nhằm tạo điều kiện về nguồn kinh phí chi thực hiện phòng, chống dịch Covid-19, trên cơ sở số liệu kinh phí thực hiện do Sở Tài chính rà soát, báo cáo đến ngày 31/10/2021, Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính báo cáo và đề nghị Bộ Tài chính xem xét, hỗ trợ kinh phí phòng, chống dịch và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 năm 2021 như sau:

## **I. Kinh phí thực hiện phòng, chống dịch và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 được ngân sách Trung ương hỗ trợ cho ngân sách địa phương theo quy định:**

### **1. Kinh phí thực chi thực hiện phòng, chống dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính phủ:**

- Kinh phí thực hiện một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19: **18.415.392.328 đồng**.

- Căn cứ tại Quyết định 437/QĐ-TTg ngày 30/3/2020 của Thủ tướng Chính, kính đề nghị Bộ Tài chính hỗ trợ 50% mức chi theo quy định (*phần kinh phí thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương*) với số tiền là **9.207.696.164 đồng** (18.415.392.328 đồng x 50%).

Trong năm 2020, Ngân sách Trung ương bổ sung mục tiêu cho ngân sách tỉnh Bình Định là **8.000.000.000 đồng** (theo Công văn số 6671/BTC-NSNN ngày 03/6/2020 của Bộ Tài chính về việc hỗ trợ kinh phí phòng, chống dịch Covid 19). Do đó, số kinh phí đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ theo quy định là **1.207.696.164 đồng** (9.207.696.164 đồng - 8.000.000.000 đồng).

*(Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm)*

### **2. Kinh phí thực chi thực hiện phòng, chống dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/02/2021, số 17/NQ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ:**

- Kinh phí thực hiện chi phí cách ly y tế, khám, chữa bệnh và một số chế độ đặc thù trong phòng, chống dịch Covid-19: **138.423.713.841 đồng**.

- Căn cứ tại Điều 2 Quyết định số 482/QĐ-TTg ngày 29/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, kính đề nghị Bộ Tài chính hỗ trợ 50% mức chi theo quy định (*phần kinh phí thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách Trung ương*) với số tiền là **69.211.856.921 đồng** (138.423.713.841 đồng x 50%).

Trong năm 2021, Ngân sách Trung ương bổ sung mục tiêu cho ngân sách tỉnh Bình Định là 14.652 triệu đồng (theo Công văn số 11311/BTC-NSNN ngày 01/10/2021 của Bộ Tài chính về việc bổ sung kinh phí cho công tác phòng, chống

dịch Covid 19). Do đó, số kinh phí đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ theo quy định là **54.559.856.921 đồng** (69.211.856.921 đồng - 14.652.000.000 đồng).

*(Chi tiết theo Phụ lục 02 đính kèm)*

### **3. Kinh phí thực chi thực hiện hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/07/2021 của Chính phủ:**

- Kinh phí thực hiện hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn toàn tỉnh là **16.297.710.000 đồng** (sau khi trừ số kinh phí hỗ trợ cho người lao động không có giao kết hợp đồng lao động quy định tại Khoản 12 Nghị Quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ thuộc nhiệm vụ chi của ngân sách địa phương là 111.663.500.000 đồng).

- Căn cứ tại Điểm đ Khoản 2 Mục I Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/07/2021 của Chính phủ, kính đề nghị Bộ Tài chính hỗ trợ 60% mức chi theo quy định (*phần kinh phí thuộc nhiệm vụ chi của Ngân sách Trung ương*), với số tiền là **9.778.626.000 đồng** (16.297.710.000 đồng x 60%).

*(Chi tiết theo Phụ lục 03 đính kèm)*

Như vậy, số kinh phí đề nghị Ngân sách Trung ương hỗ trợ cho ngân sách tỉnh Bình Định để thực hiện phòng, chống dịch và hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo quy định là **65.546.179.085 đồng** (1.207.696.164 đồng + 54.559.856.921 đồng + 9.778.626.000 đồng).

## **II. Kinh phí thực hiện phòng, chống dịch Covid-19 ngoài quy định hỗ trợ của ngân sách Trung ương:**

Hiện nay tình hình dịch bệnh Covid-19 trên địa bàn tỉnh đang diễn biến phức tạp, khó lường. Số lượng các chốt kiểm tra y tế và khu cách ly tập trung gia tăng, địa phương đã tập trung nguồn lực để sửa chữa cơ sở vật chất, mua trang thiết bị y tế phục vụ công tác cách ly tập trung và điều trị cho các bệnh nhân đảm bảo số lượng, điều kiện, tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo hướng dẫn của Ban Chỉ đạo Quốc gia về phòng, chống dịch Covid-19.

Bình Định là tỉnh còn nhận bổ sung lớn từ Ngân sách Trung ương, nguồn lực của địa phương chi cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh còn hạn chế, nhất là trong bối cảnh hiện nay nền kinh tế bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19. Để đảm bảo kinh phí phục vụ cho công tác phòng, chống dịch, UBND tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố đã sử dụng các nguồn kinh phí: dự phòng ngân sách địa phương, 70% Quỹ dự trữ tài chính, nguồn cải cách tiền lương còn dư, nguồn kinh phí cắt giảm, tiết kiệm chi thường xuyên năm 2021, các nguồn đóng góp, hợp pháp khác theo phân cấp, đồng thời chủ động tạm ứng ngân sách cấp mình để kịp thời chi cho công tác phòng, chống dịch và hỗ trợ cho người dân gặp

khó khăn do ảnh hưởng bởi đại dịch Covid-19 nên ngân sách địa phương càng thêm khó khăn.

Do đó, để tạo điều kiện cho địa phương có nguồn lực thực hiện cho công tác phòng, chống dịch Covid-19, Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị Bộ Tài chính xem xét hỗ trợ kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất, mua trang thiết bị y tế và các khoản chi khác phục vụ cho công tác phòng, chống dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh là **339.135.190.002 đồng**, cụ thể:

- Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất, mua trang thiết bị y tế: 73.441.819.834 đồng.

- Kinh phí mua Khay thử xét nghiệm tầm soát cộng đồng: 259.199.370.168 đồng.

- Kinh phí chi cho Tổ Covid cộng đồng: 6.494.000.000 đồng.

*(Chi tiết theo Phụ lục 04 đính kèm)*

Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định kính trình Bộ Tài chính xem xét, tạo điều kiện hỗ trợ cho ngân sách địa phương./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Vụ NSNN – Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, K16.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Tự Công Hoàng**

**Phụ lục 01:**

**Bảng tổng hợp kinh phí thực hiện theo quy định Điều 1 Nghị quyết số 37/NQ-CP ngày 29/3/2020 của Chính phủ**

*(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày tháng năm 2021 của UBND tỉnh Bình Định)*

*DVT: đồng*

Stt	Tên đơn vị	Tổng kinh phí quyết toán thực hiện Điều 1 Nghị quyết số 37/NQ-CP của địa phương	Nguồn kinh phí được hỗ trợ theo quy định			Nguồn ngân sách Trung ương đã tạm cấp bổ sung mục tiêu cho ngân sách tỉnh Bình Định	Đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ đợt này
			Tổng số	Phần ngân sách trung ương đảm bảo (50%)	Phần ngân sách địa phương		
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>		<i>5</i>	<i>6</i>	<i>7</i>	<i>8=5-7</i>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>18.415.392.328</b>	<b>18.415.392.328</b>	<b>9.207.696.164</b>	<b>9.207.696.164</b>	<b>8.000.000.000</b>	<b>1.207.696.164</b>
<b>I</b>	<b>Khối tỉnh</b>	<b>13.819.494.328</b>	<b>13.819.494.328</b>	<b>6.909.747.164</b>	<b>6.909.747.164</b>		
1	Sở Y tế	11.116.438.328	11.116.438.328	5.558.219.164	5.558.219.164		
2	BCH QS tỉnh	2.703.056.000	2.703.056.000	1.351.528.000	1.351.528.000		
<b>II</b>	<b>Khối huyện</b>	<b>4.595.898.000</b>	<b>4.595.898.000</b>	<b>2.297.949.000</b>	<b>2.297.949.000</b>		
1	Thành phố Quy Nhơn	29.800.000	29.800.000	14.900.000	14.900.000		
2	Thị xã An Nhơn	428.000.000	428.000.000	214.000.000	214.000.000		
3	Huyện Tuy Phước	1.082.000.000	1.082.000.000	541.000.000	541.000.000		
4	Huyện Tây Sơn	303.050.000	303.050.000	151.525.000	151.525.000		
5	Huyện Phù Cát	44.605.000	44.605.000	22.302.500	22.302.500		
6	Huyện Phù Mỹ	332.000.000	332.000.000	166.000.000	166.000.000		
7	Huyện Hoài Ân	15.800.000	15.800.000	7.900.000	7.900.000		
8	Thị xã Hoài Nhơn	2.187.963.000	2.187.963.000	1.093.981.500	1.093.981.500		
9	Huyện Vân Canh	5.040.000	5.040.000	2.520.000	2.520.000		
10	Huyện Vĩnh Thạnh	55.440.000	55.440.000	27.720.000	27.720.000		
11	Huyện An Lão	112.200.000	112.200.000	56.100.000	56.100.000		

PHỤ LỤC 02:

**TỔNG HỢP ĐỐI TƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG GẶP KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19 THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 16/NQ-CP, 17/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐẾN NGÀY 31/10/2021**

(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày /11/2021 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: đồng

Stt	Nội dung	Toàn tỉnh				Nguồn kinh phí được hỗ trợ theo quy định		Nguồn ngân sách Trung ương đã tạm cấp bổ sung mục tiêu cho ngân sách tỉnh Bình Định	Đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ đợt này
		Đối tượng (người)	Mức hỗ trợ (đồng)	Số ngày hỗ trợ	Tổng kinh phí thực hiện (đồng)	Phần ngân sách trung ương đảm bảo (50%)	Phần ngân sách địa phương		
1	2	3	4	5	6	7= 6*50%	8= 6*50%	9	10=7-9
<b>I</b>	<b>Kinh phí thực hiện Nghị quyết số 16/NQ-CP ngày 08/2/2021, 17/NQ-CP ngày 09/2/2021 của Chính phủ</b>	<b>135.149</b>		<b>1.227.142</b>	<b>138.423.713.841</b>	<b>69.211.856.921</b>	<b>69.211.856.921</b>	<b>14.652.000.000</b>	<b>54.559.856.921</b>
<b>1</b>	<b>Chi phí cách ly y tế, chi phí khám bệnh, chữa bệnh trong thời gian cách ly y tế theo Điều 1 Nghị quyết số 16/NQ-CP:</b>	<b>77.678</b>		<b>19.416</b>	<b>67.087.282.509</b>	<b>33.543.641.255</b>	<b>33.543.641.255</b>		
1.1	Chi phí đưa đón từ cơ sở, địa điểm phát hiện đối tượng phải thực hiện cách ly y tế đến cơ sở cách ly y tế tập trung				1.744.895.000	872.447.500	872.447.500		
1.2	Chi phí xét nghiệm sàng lọc SARS-CoV-2				56.389.841.697	28.194.920.849	28.194.920.849		
1.3	Chi phí phục vụ nhu cầu sinh hoạt trong những ngày cách ly y tế tập trung	45.257	40.000	19.164	4.265.955.764	2.132.977.882	2.132.977.882		
1.4	Tiền ăn người phải áp dụng biện pháp cách ly y tế tập trung (Hộ nghèo)	32.421	80.000	252	2.612.240.000	1.306.120.000	1.306.120.000		
1.5	Chi phí điều trị người mắc Covid-19 (FO), nghi mắc Covid-19 tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.				2.074.350.048	1.037.175.024	1.037.175.024		
<b>2</b>	<b>Chi chế độ phụ cấp chống dịch theo Điều 2 Nghị quyết số 16/NQ-CP:</b>	<b>54.387</b>		<b>1.207.370</b>	<b>70.552.416.332</b>	<b>35.276.208.166</b>	<b>35.276.208.166</b>		
2.1	1. Chế độ phụ cấp chống dịch định mức 300.000 đồng/người/ngày	121	300.000	24.620	7.988.475.000	3.994.237.500	3.994.237.500		
2.2	2. Chế độ phụ cấp chống dịch định mức 200.000 đồng/người/ngày	724	200.000	22.750	4.851.300.000	2.425.650.000	2.425.650.000		
2.3	3. Chế độ phụ cấp chống dịch định mức 150.000 đồng/người/ngày	18.877	150.000	79.480	24.721.492.086	12.360.746.043	12.360.746.043		
2.4	4. Chế độ thường trực chống dịch mức 130.000 đồng/người/ngày...	2.800	130.000	16.023	5.668.101.000	2.834.050.500	2.834.050.500		
2.5	5. Người làm nhiệm vụ tại các chốt được hỗ trợ tiền ăn 80.000 đồng/người/ngày	19.500	80.000	1.033.766	12.796.769.246	6.398.384.623	6.398.384.623		
2.6	6. Chế độ bồi dưỡng đối với phóng viên, nhà báo, cộng tác viên, tình nguyện viên	7.806	130.000	9.636	5.464.719.000	2.732.359.500	2.732.359.500		
2.7	7. Chế độ đối với Ban chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 các cấp	4.560	100.000	21.096	9.061.560.000	4.530.780.000	4.530.780.000		
<b>3</b>	<b>Chi theo Điều 1 Nghị quyết số 17/NQ-CP</b>	<b>2.666</b>	<b>160.000</b>	<b>251</b>	<b>625.170.000</b>	<b>312.585.000</b>	<b>312.585.000</b>		
<b>4</b>	<b>Chi theo Điều 2 Nghị quyết số 17/NQ-CP</b>	<b>418</b>	<b>200.000</b>	<b>105</b>	<b>158.845.000</b>	<b>79.422.500</b>	<b>79.422.500</b>		

**PHỤ LỤC 03:**  
**TỔNG HỢP ĐỐI TƯỢNG VÀ KINH PHÍ THỰC HIỆN HỖ TRỢ NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG GẶP KHÓ KHĂN DO ĐẠI DỊCH COVID-19 THEO QUY ĐỊNH TẠI NGHỊ QUYẾT SỐ 68/NQ-CP CỦA CHÍNH PHỦ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐẾN NGÀY 31/10/2021**

(Kèm theo Công văn số /STC-QLNS ngày /11/2021 của Sở Tài chính)

ĐVT: đồng

Stt	Nội dung	Toàn tỉnh				Nguồn kinh phí được hỗ trợ theo quy định		Đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ đợt này
		Đối tượng (người)	Mức hỗ trợ (đồng)	Số ngày hỗ trợ	Tổng kinh phí thực hiện (đồng)	Phần ngân sách trung ương đảm bảo (60%)	Phần ngân sách địa phương	
1	2	3	4	5	6	7=6*60%	8=6*40%	9=7
	<b><u>Kinh phí NSNN hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Nghị quyết số 68/NQ-CP ngày 01/7/2021 của Chính phủ và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ</u></b>	<b>48.965</b>	<b>146.470.000</b>	<b>17.494</b>	<b>127.961.210.000</b>	<b>9.778.626.000</b>	<b>118.182.584.000</b>	<b>9.778.626.000</b>
<b>1</b>	<b>Hỗ trợ người lao động tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động hoặc nghỉ việc không hưởng lương, gồm:</b>	<b>752</b>	<b>33.970.000</b>	<b>-</b>	<b>2.263.310.000</b>	<b>1.357.986.000</b>	<b>905.324.000</b>	<b>1.357.986.000</b>
	a) Đối tượng tạm hoãn hợp đồng, nghỉ việc không hưởng lương từ 15 ngày liên tục trở lên đến dưới 01 tháng (1.855.000 đồng/người)	18	3.710.000	-	33.390.000	20.034.000	13.356.000	20.034.000
	b) Đối tượng tạm hoãn hợp đồng, nghỉ việc không hưởng lương từ 01 tháng trở lên (3.710.000 đồng/người)	552	22.260.000	-	2.047.920.000	1.228.752.000	819.168.000	1.228.752.000
	<i>Trong đó:</i>	-	-	-	-	-	-	-
	Người lao động tại điểm a), b) đang mang thai (hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người)	19	3.000.000	-	19.000.000	11.400.000	7.600.000	11.400.000
Người lao động tại điểm a), b) đang nuôi con chưa đủ 06 tuổi (hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em)	163	5.000.000	-	163.000.000	97.800.000	65.200.000	97.800.000	
<b>2</b>	<b>Hỗ trợ người lao động ngừng việc (1.000.000 đồng/người), trong đó:</b>	<b>241</b>	<b>8.000.000</b>	<b>-</b>	<b>241.000.000</b>	<b>144.600.000</b>	<b>96.400.000</b>	<b>144.600.000</b>
	Hỗ trợ người lao động ngừng việc (1.000.000 đồng/người)	169	3.000.000	-	169.000.000	101.400.000	67.600.000	101.400.000
	a) Người lao động đang mang thai (hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người)	10	2.000.000	-	10.000.000	6.000.000	4.000.000	6.000.000
	b) Người lao động đang nuôi con chưa đủ 06 tuổi (hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em)	62	3.000.000	-	62.000.000	37.200.000	24.800.000	37.200.000
<b>3</b>	<b>Hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động (3.710.000 đồng/người), trong đó:</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	Hỗ trợ người lao động chấm dứt hợp đồng lao động (3.710.000 đồng/người)							
	a) Người lao động đang mang thai (hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/người)	-	-	-	-	-	-	-
	b) Người lao động đang nuôi con chưa đủ 06 tuổi (hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em)	-	-	-	-	-	-	-
<b>4</b>	<b>Hỗ trợ đối với người đang điều trị Covid-19, cách ly y tế, gồm:</b>	<b>3.108</b>		<b>17.494</b>	<b>3.862.260.000</b>	<b>2.317.356.000</b>	<b>1.544.904.000</b>	<b>2.317.356.000</b>
	a) Người đang điều trị Covid-19 (F0) (80.000 đồng/người/ngày)	-	80.000	-	966.210.000	579.726.000	386.484.000	579.726.000
	b) Người đang cách ly y tế (F1) (80.000 đồng/người/ngày)	3.002	80.000	17.494	2.647.970.000	1.588.782.000	1.059.188.000	1.588.782.000
	<i>Trong đó, trẻ em đang điều trị Covid-19 hoặc cách ly y tế (hỗ trợ thêm 1.000.000 đồng/trẻ em)</i>	106	1.000.000	-	248.080.000	148.848.000	99.232.000	148.848.000

Stt	Nội dung	Toàn tỉnh				Nguồn kinh phí được hỗ trợ theo quy định		Đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ đợt này
		Đối tượng (người)	Mức hỗ trợ (đồng)	Số ngày hỗ trợ	Tổng kinh phí thực hiện (đồng)	Phần ngân sách trung ương đảm bảo (60%)	Phần ngân sách địa phương	
5	<b>Hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật và người lao động là hướng dẫn viên du lịch (3.710.000 đồng/người), gồm:</b>	<b>234</b>		-	<b>868.140.000</b>	<b>520.884.000</b>	<b>347.256.000</b>	<b>520.884.000</b>
	a) Hỗ trợ viên chức hoạt động nghệ thuật	50	3.710.000	-	185.500.000	111.300.000	74.200.000	111.300.000
	b) Hỗ trợ người lao động là hướng dẫn viên du lịch	184	3.710.000	-	682.640.000	409.584.000	273.056.000	409.584.000
6	<b>Hỗ trợ hộ kinh doanh (3.000.000 đồng/hộ)</b>	<b>3.021</b>	<b>3.000.000</b>	-	<b>9.063.000.000</b>	<b>5.437.800.000</b>	<b>3.625.200.000</b>	<b>5.437.800.000</b>
7	<b>Hỗ trợ lao động không có giao kết hợp đồng và một số đối tượng đặc thù khác (chính sách đặc thù của địa phương), gồm:</b>	<b>41.609</b>	<b>101.500.000</b>	-	<b>111.663.500.000</b>	-	<b>111.663.500.000</b>	
	a) Đối tượng là lao động không có giao kết hợp đồng lao động (lao động tự do)	41.109	1.500.000	-	61.663.500.000		<b>61.663.500.000</b>	
	b) Đối tượng đặc thù của địa phương (Chính sách cho vay đối với người lao động gặp khó khăn do đại dịch covid-19)	500	100.000.000	-	50.000.000.000		<b>50.000.000.000</b>	



**Phụ lục 04**

**TỔNG HỢP KINH PHÍ THỰC HIỆN SỬA CHỮA CƠ SỞ VẬT CHẤT, MUA TRANG THIẾT BỊ Y TẾ VÀ CÁC KHOẢN CHI KHÁC PHỤC VỤ TRONG CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH COVID-19 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH ĐỊNH ĐẾN NGÀY 31/10/2021**

*(Kèm theo Công văn số /UBND-TH ngày / /2021 của UBND tỉnh Bình Định)*

*DVT: đồng*

Stt	Tên đơn vị	Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất, mua trang thiết bị y tế và các khoản chi khác phục vụ cho công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19	trong đó:			Đề nghị ngân sách Trung ương hỗ trợ
			Kinh phí sửa chữa cơ sở vật chất, mua trang thiết bị y tế	Kinh phí mua Khay thử xét nghiệm tầm soát cộng đồng	Kinh phí chi cho Tổ Covid cộng đồng	
<i>I</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>3.1</i>	<i>3.2</i>	<i>3.3</i>	<i>4=3</i>
	<b>Tổng cộng</b>	<b>339.135.190.002</b>	<b>73.441.819.834</b>	<b>259.199.370.168</b>	<b>6.494.000.000</b>	<b>339.135.190.002</b>
<b>I</b>	<b>Khôi tỉnh</b>	<b>28.749.509.995</b>	<b>13.823.139.995</b>	<b>14.926.370.000</b>		
1	Sở Y tế	26.980.571.585	12.054.201.585	14.926.370.000		
2	BCH QS tỉnh	1.768.938.410	1.768.938.410			
<b>II</b>	<b>Khôi huyện</b>	<b>310.385.680.007</b>	<b>59.618.679.839</b>	<b>244.273.000.168</b>	<b>6.494.000.000</b>	
1	Thành phố Quy Nhơn	58.786.887.081	8.980.042.433	48.705.844.648	1.101.000.000	
2	Thị xã An Nhơn	50.570.407.010	13.539.307.010	36.020.100.000	1.011.000.000	
3	Huyện Tuy Phước	30.890.458.114	10.220.079.114	20.670.379.000		
4	Huyện Tây Sơn	6.076.266.000	1.710.916.000	3.622.350.000	743.000.000	
5	Huyện Phù Cát	56.653.882.000	9.870.882.000	45.595.000.000	1.188.000.000	
6	Huyện Phù Mỹ	14.758.550.520	2.340.250.000	11.787.300.520	631.000.000	
7	Huyện Hoài Ân	4.578.040.500	600.040.500	3.641.000.000	337.000.000	
8	Thị xã Hoài Nhơn	77.345.793.000	7.143.913.000	69.075.880.000	1.126.000.000	
9	Huyện Vân Canh	2.934.146.000	2.232.000.000	579.146.000	123.000.000	
10	Huyện Vĩnh Thạnh	4.960.129.782	2.058.129.782	2.725.000.000	177.000.000	
11	Huyện An Lão	2.831.120.000	923.120.000	1.851.000.000	57.000.000	